

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-PT

Ngày 27 – 02 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất, yêu
cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2024/TLPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2025/QĐ-PT, ngày 03 tháng 01 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch Sa L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Thạch Sa L: Ông Phan Văn H là Luật sư của Công ty L1 (có mặt)

- Bị đơn: Bà Thạch Thị Pha R, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thạch Thị Pha R: Ông Thạch T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thạch Thị N: Bà Phan Thị Kiều O, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị N: Ông Phan Văn H là Luật sư của Công ty L1 (có mặt).

2. Chị Thạch Thị Sa P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Thạch T, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh huyện C. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện cho Ngân hàng TMCP C: Ông Nguyễn Thế H1, Trưởng phòng tổng hợp, văn bản uỷ quyền ngày 20/9/2021 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* anh Thạch Sa L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Thạch Sa L, cũng như người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Thửa số 264, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.500m², diện tích thực đo là 3.129,6m², tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ của anh L là ông Thạch Sô P1 (T) và bà Thạch Thị N trước đây nhận chuyển nhượng của người khác và cha mẹ của anh L ở trên đất này, có kê khai đăng ký quyền sử dụng. Năm 1989 cha mẹ của anh L đi Campuchia đến năm 2002 thì về tiếp tục ở trên đất này.

Trong thời gian cha mẹ của anh L đi Campuchia thì bà nội của anh L là bà Thạch Thị K quản lý trong coi đất dùm; năm 2007 cha mẹ của anh L ly hôn thì anh L và cha của anh cùng ở trên đất này, sau đó cha của anh L được Nhà nước cất nhà tình thương ở vị trí chỗ nhà cũ trên đất này, đến năm 2016 cha của anh L chết, năm 2021 anh L về sửa chữa nhà của cha anh để thờ cúng cha đến nay.

Sau này anh L biết bà Thạch Thị Pha R được quyền sử dụng thửa đất này nên anh L không đồng ý vì đất này là của cha mẹ của anh do cha anh kê khai năm 1983. Do đó, anh L yêu cầu giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

thửa số 264, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.500m², tọa lạc ấp L, xã T, huyện C do bà Thạch Thị Pha R đứng tên quyền sử dụng. Công nhận thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, diện tích thực đo là 3.129,6m², tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho anh L đứng tên quyền sử dụng.

- Đối với phần diện tích đất được mô tả trong sơ đồ khu đất được đánh dấu B diện tích 317,3m², C diện tích 254,9m² anh L không tranh chấp.

- Về yêu cầu phản tố của bà Pha R, anh L không đồng ý di dời nhà, công trình phụ đi nơi khác trả lại thửa đất số 264 theo yêu cầu của bà Pha R.

Anh Thạch Sa L có mặt tại phiên toà trình bày: Thống nhất trình bày của ông H và anh thống nhất kết quả trưng cầu giám định ngày 25/7/2024 nhưng anh yêu cầu tạm ngừng phiên toà để yêu cầu Toà án thu thập chữ ký của ông Thạch Sô P1 đã ký trong hồ sơ ly hôn với vợ là bà Thạch Thị N vào năm 2007 để làm mẫu yêu cầu trưng cầu giám định lại, chứng minh ông P1 không ký trả đất theo văn bản ngày 04/9/2010.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà ông Thạch T đại diện cho bị đơn bà Thạch Thị Pha R trình bày và có yêu cầu sau:

- Về mối quan hệ: Bà Pha R và ông Thạch Sô P1 là anh em ruột, bà Thạch Thị N là chị dâu (vợ ông P1), bà Thạch Thị K là mẹ của ông Thạch Sô P1 và bà Thạch Thị Pha R, còn anh Thạch Sa L là cháu (con của ông P1, bà N).

- Về nội dung tranh chấp: Bà Pha R không đồng ý yêu cầu của anh L. Lý do nguồn gốc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C là của bà Thạch Thị K. Trước đây không nhớ năm nào bà K có cho vợ chồng ông P1 cất nhà ở tạm, sau đó ông P1, bà N đi Campuchia làm ăn khi quay về thì bà K vẫn cho vợ chồng ông P1 tiếp tục ở tạm trên thửa đất này, chỉ có căn nhà cất tạm ở trên đất khoảng 50m² không canh tác gì xung quanh thửa đất. Đến năm 2007 vợ chồng ông P1 ly hôn xác định thửa đất là của bà K cho ở nhờ nên trả lại cho bà K, không tranh chấp tài sản, sau khi ly hôn bà K vẫn cho ông P1 ở tạm trên đất vì không có chỗ ở khác, đến năm 2010 ông P1 trả đất cho bà K đứng tên quyền sử dụng nhưng vẫn cho ông P1 ở trên đất, còn cháu L, cháu Pha R có gia đình đi nơi khác không ở trên đất này. Phần cây cối xung quanh là của bà K trồng và tự mọc.

Năm 2013 bà K cần tiền nên chuyển nhượng hết thửa đất này cho bà Pha R nhưng chỗ mẹ con nên bà K lập hợp đồng tặng cho bà Pha R nên bà Pha R được cấp quyền sử dụng đất, sử dụng cho đến nay.

Sau khi được quyền sử dụng đất, bà Pha R vẫn cho ông P1 tiếp tục ở trên đất đến khi ông chết. Phần đất xung quanh có cây trái sẵn của bà K trồng đã chuyển nhượng giao hết cho bà Pha R sử dụng và bà Pha R còn trồng cỏ trên đất để nuôi bò, sau đó bà Pha R cho em gái tên Thạch Thị Sa P đến cắt cỏ nuôi bò, đến

tháng 4/2021 gia đình bà Pha R có đến dọn đất, xây rào cát nhà cho con thì anh L tranh chấp giành đất, tự ý đến đốn tre và dựng lại căn nhà chỗ nhà cũ của ông P1 đã bỏ, sự việc được chính quyền địa phương giải quyết buộc anh L di dời nhà trả đất nhưng anh L không đồng ý, hàng ngày anh L cũng để nhà hoang không ở đây.

Nay ông T đại diện cho bà Pha R xác định thửa đất này bà Pha R đã nhận chuyển nhượng hợp pháp nên không đồng ý yêu cầu của anh L mà yêu cầu anh L di dời căn nhà tre lá tạm diện tích thực đo 46,95m² ra khỏi đất, trả lại cho bà Pha R thửa đất số 264, diện tích thực đo 3.129,6m², tọa lạc ấp L, xã T, huyện C. Bà Pha R không hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho anh L.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 264 trước đây có thể chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP C nhưng nay bà đã trả nợ vay xong và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng, không còn thế chấp.

Chị Phan Thị Kiều O đại diện cho bà Thạch Thị N trình bày: Bà N xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà và ông Thạch Sô P1 trước đây nhận chuyển nhượng của người khác sử dụng đến khi bà và ông P1 ly hôn thì để cho ông P1 được quản lý, sử dụng nuôi con nên không yêu cầu chia tài sản và nay ông P1 chết thì phần đất này đồng ý để lại cho con là Thạch Sa L. Do đó bà thống nhất việc anh L yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị Pha R và yêu cầu công nhận thửa đất 264 cho Sa Lát được quyền sử dụng.

Tại bản án sơ thẩm số 65/2024/DS-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, 157, 161, 162, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 158, 166, 500 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 4, 17, 100, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1 Sa Lát về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C do bà Thạch Thị Pha R đứng tên quyền sử dụng và không chấp nhận yêu cầu công nhận thửa đất 264, diện tích thực đo 3.129,6m² cho anh L.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị Pha R về việc buộc anh T1 Sa Lát di dời tài sản, công trình phụ gồm nhà trước cột đúc sẵn nền đất, vách tole, mái tole có kích thước 30,15m², nhà sau mái tole, kết cấu đỡ gỗ tạp, tre lá, nền đất, vách tole, lá có kích thước 16,8m² ra khỏi thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C cho bà Pha R được quyền sử dụng thửa đất 264, diện tích thực đo 3.129,6m² và tài sản gồm cây trái trên đất.

Phần diện tích đất 3.129,6m² có từ cận theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo công văn số 19/CNHCN-KTĐC ngày 17/6/2022 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Thạch Thị Pha R được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc chuyển dịch quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/8/2024, anh T1 Sa Lát kháng cáo: yêu cầu hủy bản án số 65/2004/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang và yêu cầu giám định chữ ký của ông P1 tại đơn khiếu nại ngày 04/09/2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Thạch Sa L và bà Thạch Thị N trình bày: Đất tranh chấp do ông Thạch S Phone sử dụng, kê khai năm 1983 và 1995, có nguồn gốc là mua của Thạch T2, bà K nói mua của ông Thạch T2 và cho vợ chồng ông P1 ở nhờ là không có chứng cứ chứng minh, mặc khác bà cũng không kê phần đất tranh chấp. Việc UBND cấp đất cho bà K là không đúng trình tự thủ tục, đơn khiếu nại ngày 04/9/2010 không phải của ông P1 ký tên. Thừa 264 là tài sản chung của vợ chồng nên ông P1 cũng không có quyền trả cho bà K từ đó người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn Thạch Sa L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng : Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định.

Đơn Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[02] Xét kháng cáo của ông Thạch Sa L thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Thạch Sa L cũng không có chứng cứ gì chứng minh thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.500m² (thực đo 3.129,6m²) là có nguồn gốc là của ông Thạch Sô P1 và bà Thạch Thị N mua của ông Thạch T2. Mặc dù, ông P1 có cất nhà tre lá và ở trên thửa đất này, có kê khai năm 1983 thửa 351 và năm 1995 kê khai thửa 264. Năm 2006, bà N xin ly hôn với ông Thạch Sô P1, bà N1 khai tài sản chung có 01 công đất do vợ chồng mua của ông P2 là anh em với ông P1, còn bà K khai: đất tranh chấp do bà mua của Thạch P2 năm 1972, năm 1981 cho vợ chồng P1 ở nhờ. Ông P1 khai: Đất của mẹ cho ở nhờ, ông không có đất. Khi giải quyết vụ án ly hôn, bà N giao 01 công đất cho ông P1 hưởng, không yêu cầu chia. Như vậy, trong vụ án ly hôn giữa bà N, ông P1 có khai tài sản chung là 01 công đất, nhưng các bên khai tài sản chung riêng còn mâu thuẫn, nhưng cuối cùng bà N không tranh chấp mà thừa nhận giao cho ông P1, bà K thì cho ông P1 ở đến khi ông P1 qua đời thì trả cho bà. Ngày 04/9/2010, ông P1 có viết “ Đơn khiếu nại về kết quả đo đạc, xét duyệt đăng ký” có nội dung xác định phần đất thửa 264 là của mẹ ông P1 và ông giao trả lại cho mẹ đăng ký cấp quyền sử dụng. Sự việc trên được hội đồng đăng ký đất của xã T thẩm tra xác định: Thửa đất 264 là của bà Thạch Thị K, nên khi đăng ký ghi nhầm ông Thạch P1, từ đó xác định đơn của ông P1 là đúng và đề nghị cấp giấy chứng nhận cho bà K. Năm 2010, UBND huyện C tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K có niêm yết công khai các thủ tục cấp giấy theo quy định, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì, kể cả bà N. Năm 2013, bà K làm hợp đồng tặng cho bà Thạch Thị Pha R thửa 264 nêu trên, bà Thạch Thị Pha R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 02/12/2013.

Như vậy, từ năm 2010 khi ông P1 trả đất cho bà K và đến năm 2016, ông P1 chết thì không ai có tranh chấp gì với việc bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 264 và bà K chuyển cho bà Thạch Thị Pha R cũng không có ai tranh chấp. Điều đó chứng tỏ rằng thửa đất 264 không phải là đất của ông P1 mua hay tạo lập mà chỉ được bà K cho ở nhờ như bà Pha R khai trong hồ sơ là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[03] Từ nhận định trên xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[04] Ý kiến của kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[05] Về án phí phúc thẩm: Ông Thạch Sa L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của anh Thạch Sa L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 65/2024/DS-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1 Sa Lát về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C do bà Thạch Thị Pha R đứng tên quyền sử dụng và không chấp nhận yêu cầu công nhận thửa đất 264, diện tích thực đo 3.129,6m² cho anh L.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị Pha R về việc buộc anh T1 Sa Lát di dời tài sản, công trình phụ gồm nhà trước cột đúc sẵn nền đất, vách tole, mái tole có kích thước 30,15m², nhà sau mái tole, kết cấu đỡ gỗ tạp, tre lá, nền đất, vách tole, lá có kích thước 16,8m² ra khỏi thửa đất số 264, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C cho bà Pha R được quyền sử dụng thửa đất 264, diện tích thực đo 3.129,6m² và tài sản gồm cây trái trên đất.

Phần diện tích đất 3.129,6m² có từ cận theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo công văn số 19/CNHCN-KTĐC ngày 17/6/2022 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Thạch Thị Pha R được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc chuyển dịch quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Thạch Sa L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011252, ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu ngang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Long